

**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ
CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Dự toán còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm	Năm trước chuyển sang/Được chuyển giao			Chuyển nguồn	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
B	TỔNG CHI	312.384.657.837	244.894.527.602	53.539.975.760	-220.000.000	14.170.154.475	296.917.146.285	15.467.511.552	7.807.167.099	7.660.344.453
1	Trường Trung học cơ sở Lưu Kiếm	15.611.997.388	13.844.924.268	1.767.073.120			15.611.997.388			
2	Trường Tiểu học Kênh Giang	12.819.359.467	11.428.753.627	1.390.605.840			12.782.359.467	37.000.000		37.000.000
3	Trường Trung học cơ sở Liên Khê	10.938.751.368	9.883.067.688	1.055.683.680			10.866.891.368	71.860.000		71.860.000
4	Trường Tiểu học Liên Khê	12.415.123.926	11.094.558.030			1.320.565.896	12.415.123.926			
5	Trường Tiểu học Lưu Kiếm	17.290.128.280	14.969.488.000	406.539.000		1.914.101.280	17.290.128.280			
6	Trường Tiểu học Đông Sơn	8.957.955.436	7.979.086.636			978.868.800	8.957.955.436			
7	Trường mầm non Đông Sơn	9.009.724.569	8.034.542.129	21.964.720		953.217.720	9.009.724.569			
8	Trường mầm non Kênh Giang	11.368.254.520	10.121.505.000	50.190.520		1.196.559.000	11.368.254.520			
9	Trường Mầm non Lưu Kỳ	5.491.521.580	4.965.169.000			526.352.580	5.491.521.580			
10	Trường mầm non Liên Khê	13.420.011.840	11.897.079.000	17.016.480		1.505.916.360	13.420.011.840			

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Dự toán còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm	Năm trước chuyển sang/Được chuyển giao			Chuyển nguồn	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
11	Trường mầm non Lưu Kiếm	13.830.948.240	12.342.624.000			1.488.324.240	13.830.948.240			
12	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	19.328.299.644	17.117.854.964	2.210.444.680			19.280.877.484	47.422.160		47.422.160
13	Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường Lưu Kiếm	1.232.169.000	635.000.000	597.169.000			1.217.812.000	14.357.000		14.357.000
14	Văn phòng HĐND và UBND phường Lưu Kiếm	67.583.714.979	37.140.849.760	26.499.616.620	-43.000.000	3.986.248.599	59.312.716.881	8.270.998.098	7.807.167.099	463.830.999
15	Văn phòng Đảng ủy phường Lưu Kiếm	8.287.246.000	4.687.960.000	3.528.286.000	71.000.000		8.287.246.000			
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Lưu Kiếm	1.321.000.000	1.109.000.000	220.000.000	-8.000.000		1.321.000.000			
17	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Lưu Kiếm	16.875.965.500	15.680.505.500	1.435.460.000	-240.000.000		16.467.434.196	408.531.304		408.531.304
18	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lưu Kiếm	66.497.186.100	51.962.560.000	14.234.626.100		300.000.000	59.880.020.572	6.617.165.528		6.617.165.528
19	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm	105.300.000		105.300.000			105.122.538	177.462		177.462